TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 42

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 9 gồm 6 và mấy?

A. 4 **B.** 3 **C.** 5 **D.** 6

Câu 2. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả lớn nhất?

A. 10 − 10 **B.** 3 + 2 **C.** 7 − 5 **D.** 4 + 6

Câu 3. *(0,5 điểm)* Hình nào dưới đây là hình vuông?

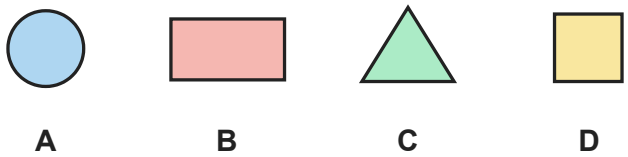

A. Hình A **B.** Hình B **C.** Hình C **D.** Hình D

Câu 4. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 3 + 4 + 2 là:

A. 8 **B.** 9 **C.** 7 **D.** 10

Câu 5. *(0,5 điểm)* Có bao nhiêu quả bóng bay trong hình?

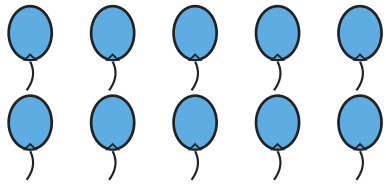

A. 7 **B.** 9 **C.** 10 **D.** 8

Câu 6. *(0,5 điểm)* So sánh số quả táo ở hàng trên với số củ cà rốt ở hàng dưới. Số quả táo …… số củ cà rốt.

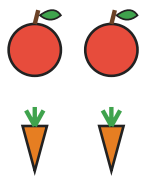

A. ít hơn **B.** bằng **C.** nhiều hơn

Câu 7. *(0,5 điểm)* Hộp thứ nhất có 2 cái bút chì, hộp thứ hai có 1 cái bút chì. Cả hai hộp có bao nhiêu cái bút chì?

A. 5 cái bút chì **B.** 3 cái bút chì

C. 1 cái bút chì **D.** 6 cái bút chì

Câu 8. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bằng 4?

A. 1 + 4 **B.** 9 − 7 **C.** 7 − 3 **D.** 5 + 2

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Số?

a) 6 = 6 − ……

b) …… + 3 = 7

c) 10 = 4 + ……

d) …… − 4 = 0

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3, 4, ……, 6, ……, 8

b) 2, ……, 4, ……, 6, 7

Câu 11. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

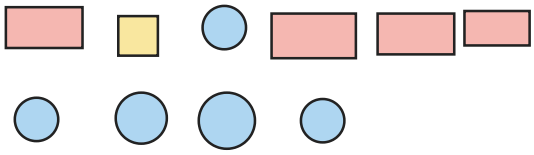

a) Có …… hình vuông.

b) Có …… hình chữ nhật.

c) Có …… hình tròn.

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

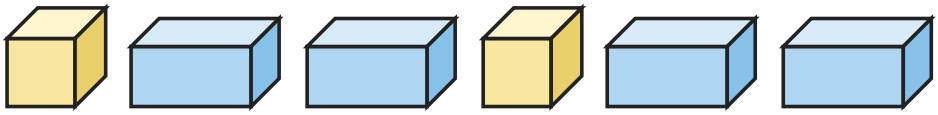

a) Có …… khối lập phương.

b) Có …… khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả …… khối.

Câu 13. *(1 điểm)* Tính nhẩm:

a) 9 − 3 = ……

b) 7 − 3 = ……

c) 4 + 5 = ……

d) 5 + 4 = ……

Câu 14. *(1 điểm)* Trên bàn có 4 quyển sách. Yến đặt thêm 1 quyển sách lên bàn. Trên bàn có tất cả bao nhiêu quyển sách? Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Trả lời: Có tất cả …… quyển sách.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 42

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	D	B	C	B	B	C

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) $6 = 6 - 0$

b) $4 + 3 = 7$

c) $10 = 4 + 6$

d) $4 - 4 = 0$

Câu 10.

a) 3, 4, 5, 6, 7, 8

b) 2, 3, 4, 5, 6, 7

Câu 11.

a) Có 1 hình vuông.

b) Có 4 hình chữ nhật.

c) Có 5 hình tròn.

Câu 12.

a) Có 2 khối lập phương.

b) Có 4 khối hộp chữ nhật.

c) Có tất cả $2 + 4 = 6$ khối.

Câu 13.

a) $9 - 3 = 6$

b) $7 - 3 = 4$

c) $4 + 5 = 9$

d) $5 + 4 = 9$

Câu 14.

Phép tính: $4 + 1 = 5$ (hoặc $1 + 4 = 5$). Trả lời: 5 quyển sách.